

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 99/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an Quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

Xét Tờ trình số 150/TTr-UBND, ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Ủy ban nhân dân các cấp;
- b) Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng; các đội dân phòng;
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng

1. Đội trưởng đội dân phòng được hưởng mức hỗ trợ bằng 20% lương tối thiểu vùng/người/tháng.

2. Đội phó đội dân phòng được hưởng mức hỗ trợ bằng 15% lương tối thiểu vùng/người/tháng.

Điều 3. Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho một đội dân phòng

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn sử dụng
1	Bình bột chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 04kg	Bình	05	Theo quy định của nhà sản xuất
2	Bình khí chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 03kg hoặc bình chữa cháy gốc nước xách tay có dung tích chất chữa cháy không nhỏ hơn 06 lít	Bình	05	Theo quy định của nhà sản xuất
3	Đèn pin (độ sáng 200 lm, chịu nước IPX4)	Chiếc	02	Hỏng thay thế
4	Rìu cứu nạn (trọng lượng 2kg, cán dài 90cm, chất liệu cacbon cường độ cao)	Chiếc	01	Hỏng thay thế
5	Xà beng (một đầu nhọn, một đầu dẹt; dài 100cm)	Chiếc	01	Hỏng thay thế

6	Búa tạ (thép cacbon cường độ cao, nặng 05kg cán dài 50cm)	Chiếc	01	Hồng thay thế
7	Kìm cộng lực (dài 60cm, tải cắt 60kg)	Chiếc	01	Hồng thay thế
8	Túi sơ cứu loại A (theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế)	Túi	01	Hồng thay thế
9	Cáng cứu thương (kích thước 186cm x 51cm x 17cm; tải trọng 160kg)	Chiếc	01	Hồng thay thế
10	Quần, áo chữa cháy	Bộ	05	Hồng thay thế
11	Mũ chữa cháy	Cái	05	Hồng thay thế
12	Găng tay chữa cháy	Đôi	05	Hồng thay thế
13	Ủng chữa cháy	Đôi	05	Hồng thay thế
14	Khẩu trang chữa cháy	Chiếc	05	Hồng thay thế
15	Dây cứu người	Cuộn	01	Hồng thay thế

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng từ nguồn ngân sách địa phương đảm bảo, trong đó:

a) Đối với các đội dân phòng được thành lập ở tổ dân phố thuộc các phường, thị trấn của các huyện, thị xã, thành phố do ngân sách phường, thị trấn bảo đảm;

b) Đối với các đội dân phòng được thành lập ở thôn thuộc xã của thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ và các huyện đồng bằng (trừ các xã bãi ngang ven biển) thì sử dụng 40% ngân sách xã và ngân sách huyện, thị xã, thành phố hỗ trợ 60%;

c) Đối với các đội dân phòng được thành lập ở thôn thuộc xã miền núi, các xã bãi ngang ven biển, thôn thuộc huyện Lý Sơn do ngân sách huyện hỗ trợ 50% và ngân sách tỉnh hỗ trợ 50%;

d) Căn cứ số lượng đội dân phòng đã thành lập và quy định tại điểm a, b, c khoản này, Ủy ban nhân dân các cấp lập dự toán ngân sách hằng năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

2. Kinh phí trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho đội dân phòng từ nguồn ngân sách tỉnh và theo khả năng cân đối ngân sách.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 10 năm 2022.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 28/2016/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về mức hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và định mức trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Bộ Công an;
- Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp - Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng;
- Lưu: VT, PC(2).nnkd.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân